UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 870 /GPMT-UBND	*Lai Châu, ngày 18 tháng 6 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 507/BQLDA-HC ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Nhà ở công vụ lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu - Quân khu 2 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở công vụ lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1497/TTr-STNMT ngày 12 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Quân khu 2, địa chỉ tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở công vụ lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng nhà ở công vụ lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng mới nhà ở

công vụ cho lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích thực hiện dự án là 3.902,0 m^2; diện tích xây dựng 1.354,0 m^2, tổng diện tích sàn xây dựng 5.374,0 m^2, số tầng xây dựng 05 tầng tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Đầu tư công).

- Các hạng mục công trình:

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Số tầng	Hình thức đầu tư
I. Hạng mục công trình chính				
1	Nhà ở công vụ	1.005	05	Xây mới
II. Hạng mục công trình phụ trợ				
2	Nhà để xe + bảo vệ	200	01	Xây mới
3	Nhà đặt trạm	95	01	Xây mới
4	Cổng chính	-	-	Xây mới
III. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
5	Kho chứa CTNH	10	01	Xây mới
6	Kho chứa CTRSH	44	01	Xây mới
7	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	-	-	Xây mới
8	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt	-	-	Xây mới
9	Hệ thống thoát nước mưa	-	-	Xây mới
10	Bể tách dầu mỡ	-	-	Xây mới
11	Bể tự hoại 03 ngăn	-	-	Xây mới
IV. Hạng mục khác				
12	Sân – đường	1.450	-	Xây mới
13	Cây xanh	1.098	-	Xây mới
14	Tường rào kết hợp bờ kè	-	-	Xây mới
Tổng diện tích khu đất		**3.902**		

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Quân khu 2 và đơn vị nhận bàn giao quản lý, sử dụng công trình trong quá trình hoạt động:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quân khu 2 và đơn vị nhận bàn giao quản lý, sử dụng công trình trong quá trình hoạt động có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp các công trình, biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn không đảm bảo quy chuẩn, yêu cầu rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân thành phố Lai Châu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường được cấp, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm *(từ ngày* 18 *tháng 6 năm 2024 đến ngày* 18 *tháng 6 năm 2034).*

Điều 4: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân thành phố Lai Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật; giao Sở Tài nguyên và Môi trường cử công chức kiểm tra thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Quân khu 2;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Lai Châu;
- UBND phường Đông Phong;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: V1, V3, HCC;
- Lưu: VT, Kt4.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số……/GPMT-UBND ngày……tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa tay lavabo, thoát sàn, tắm giặt.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động nấu ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Tả Xin Chải tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải

Dòng nước thải tương ứng nguồn thải số 01, nguồn thải số 02 và nguồn thải số 03: Nước thải sau xử lý chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi chảy ra kênh Tả Xin Chải tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2 476 224.89 m ; Y = 550 520.18 m.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103^0, múi chiếu 3^0)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 13,2m^3/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi chảy ra kênh Tả Xin Chải tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

Hình thức xả thải: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải tương ứng, cụ thể như sau:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B với hệ số K=1).

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không quy định bắt buộc thực hiện	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	BOD_5 (20^0C)	mg/L	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
5	Sunfua(tính theo H_2S)	mg/L	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn và được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất xử lý 18m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động rửa tay lavabo, thoát sàn, tắm giặt được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất xử lý 18m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn được thu gom vào bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ và được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất xử lý 18m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tách mỡ

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sơ chế thức ăn, nấu nướng (được tách rác tại vị trí chế biến) → bể tách mỡ → thùng chứa (chứa tạp chất thô) → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất xử lý 18m^3/ngày (24 giờ).

- Số lượng: 01 bể, vị trí tại cuối cầu thang Nhà công vụ, gần với nhà đặt trạm (chứa tủ điện và trạm bơm) của dự án.

- Dung tích: 5m^3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tự hoại 03 ngăn

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nhà vệ sinh) → bể tự hoại 03 ngăn (ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc)→ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất xử lý 18m^3/ngày (24 giờ).

- Số lượng: 02 bể đặt ngầm tại 02 vị trí phía Đông và Tây Nhà Công vụ.

- Dung tích: 10m^3 mỗi bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 18m^3/ngày (24 giờ)

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → xả ra nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất: 18m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các bể, hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành thi công dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 18m^3/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại điểm xả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chung công suất xử lý 18m^3/ngày.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:… ../GPMT-UBND ngày……tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải phát sinh từ ống phóng không của máy phát điện dự phòng công suất 150 KVA.

Toạ độ X: 2 476 202.3 m; Y: 550 542 m *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 103^0, múi chiếu 3).*

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 600m^3/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả gián đoạn (chỉ xả khi máy phát điện dự phòng hoạt động).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B; K_v=0,8; K_p=1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160	Không quy định bắt buộc thực hiện	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	400		
3	Nitơ oxit (NO_x tính theo NO_2)	mg/Nm^3	680		
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm^3	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:……../GPMT-UBND ngày……tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 2 476 219.02 m; Y = 550 529.38 m
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 2 476 202.3 m; Y = 550 542 m.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103^0, múi chiếu 3)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	70	55	Không quy định bắt buộc thực hiện

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	
1	70	60	Không quy định bắt buộc thực hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; máy phát điện dự phòng được kê bằng tấm đệm cao su để giảm tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:……/GPMT-UBND ngày……tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	10
2	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	21
Tổng			**31**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	79,2
2	Bùn từ hệ thống thoát nước mưa	-	0,622
3	Bùn từ bể tự hoại	-	4,159
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	-	0,573
5	Chất thải công cộng	-	3,96

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trong nhà: Kho có diện tích 10 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho kín, kết cấu tường gạch kết hợp với khung thép quây tôn xung quanh, cửa kho kín, nền xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn trong kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực phát sinh để phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.3.2. Kho lưu chứa: Kho có diện tích 44 m^2.

3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

3.1. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, tập kết tại kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 44m^2, cuối ngày thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý tại bãi rác thành phố Lai Châu. Bùn thải từ bể tự hoại 3 ngăn, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt định kỳ thuê đơn vị đủ năng lực hút bằng xe chuyên dụng và xử lý theo quy định.

3.2. Chất thải nguy hại: Định kỳ thuê đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường có hoạt động xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126, Điều 128, Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Có trách nhiệm đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:...../GPMT-UBND ngày……tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm *(trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường)* hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.